

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Hàng không (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phùng Tiến Toàn	Chủ tịch
Ông Đỗ Đương Quy	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Đỗ Đương Quy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Bà Phùng Thúy Hoa	Thành viên
Ông Vũ Quang Anh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Bà Trần Thị Bích Ngọc	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Trương Vĩnh Hùng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trương Vĩnh Hùng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Bùi Thị Lệ Hằng	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Bà Đào Thị Hạnh	Trưởng ban
Ông Lưu Việt Bắc	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Bà Phùng Ngọc Dung	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Bà Đỗ Thị Hào	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Bà Lê Thị Ngà	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là Ông Trương Vĩnh Hùng - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính Văn phòng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính Văn phòng tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính Văn phòng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trương Vinh Hùng

Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2023

Số: 033013/2023/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Logistics Hàng không

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Logistics Hàng không (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2023, từ trang 5 đến trang 32 bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính Văn phòng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Văn phòng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty Cổ phần Logistics Hàng không cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại ngày 29 tháng 03 năm 2022.



Nguyễn Hoàng Giang
Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0997-2021-072-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Hoàng Văn Phúc
Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3362-2020-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		434.467.981.148	219.091.403.631
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	233.081.683.921	50.408.472.627
1. Tiền	111		58.081.683.921	50.408.472.627
2. Các khoản tương đương tiền	112		175.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		67.316.077.100	12.310.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		6.077.100	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	67.310.000.000	12.310.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		125.513.065.945	152.576.803.556
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	10.972.389.999	9.069.101.702
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.076.269.300	12.085.613.961
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	11.600.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	109.464.406.646	119.822.087.893
IV. Hàng tồn kho	140	V.9	109.263.298	6.128.185
1. Hàng tồn kho	141		109.263.298	6.128.185
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.447.890.884	3.789.999.263
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	1.048.252.995	1.073.621.826
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.969.110.098	2.684.318.954
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15a	430.527.791	32.058.483
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.077.006.125.431	1.058.991.189.317
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		154.350.000	51.206.706.395
1. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	51.052.356.395
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	154.350.000	154.350.000
II. Tài sản cố định	220		165.564.384.725	77.238.128.857
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	161.576.900.752	72.683.304.164
- Nguyên giá	222		256.859.145.253	113.615.761.699
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(95.282.244.501)	(40.932.457.535)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	3.987.483.973	4.554.824.693
- Nguyên giá	228		5.528.848.263	5.254.681.903
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.541.364.290)	(699.857.210)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		28.752.467.717	80.519.578.542
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	28.752.467.717	80.519.578.542
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		862.435.621.739	848.972.395.136
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11	720.487.928.485	720.487.928.485
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	104.160.000.000	104.160.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.13	40.090.000.000	40.090.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.302.306.746)	(15.765.533.349)
V. Tài sản dài hạn khác	260		20.099.301.250	1.054.380.387
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	20.099.301.250	1.054.380.387
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.511.474.106.579	1.278.082.592.948

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		19.515.571.409	22.865.636.068
I. Nợ ngắn hạn	310		19.515.571.409	21.520.864.468
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	9.491.290.126	10.541.150.837
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		16.150.000	10.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15b	229.033.500	2.015.375.136
4. Phải trả người lao động	314		7.549.398.853	8.170.713.231
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	657.409.365	783.425.265
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.572.289.565	199.999
II. Nợ dài hạn	330		-	1.344.771.600
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	-	1.344.771.600
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.491.958.535.170	1.255.216.956.880
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	1.491.958.535.170	1.255.216.956.880
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.002.476.860.000	907.308.540.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.002.476.860.000	907.308.540.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		164.537.981.018	162.318.881.018
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.085.461.763	9.085.461.763
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		315.858.232.389	176.504.074.099
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		32.650.111.099	13.419.321.897
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		283.208.121.290	163.084.752.202
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.511.474.106.579	1.278.082.592.948

Lê Thị Quỳnh Hoa
 Người lập biểu
 Ngày 30 tháng 03 năm 2023

Ngô Quang Huy
 Kế toán trưởng



Trương Vĩnh Hùng
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	73.680.525.397	60.946.925.877
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		73.680.525.397	60.946.925.877
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	47.053.855.524	25.875.460.415
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.626.669.873	35.071.465.462
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	275.692.328.166	163.526.963.517
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(13.463.226.603)	7.669.976.212
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	1.843.885.556
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	3.329.987.149	497.231.768
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	29.795.268.526	25.412.568.148
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		282.656.968.967	165.018.652.851
11. Thu nhập khác	31	VI.7	559.571.501	150.031.694
12. Chi phí khác	32		8.419.178	100.641
13. Lợi nhuận khác	40		551.152.323	149.931.053
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		283.208.121.290	165.168.583.904
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	-	2.083.831.702
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		283.208.121.290	163.084.752.202

Lê Thị Quỳnh Hoa
Người lập biểu
Ngày 30 tháng 03 năm 2023

Ngô Quang Huy
Kế toán trưởng

Trương Vĩnh Hùng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	283.208.121.290	165.168.583.904
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	25.709.256.709	9.781.093.500
Các khoản dự phòng	03	(13.463.226.603)	5.822.251.493
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(7.476.355)	3.839.163
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(268.009.097.230)	(163.676.963.517)
Chi phí lãi vay	06	-	1.843.885.556
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	27.437.577.811	18.942.690.099
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	62.826.034.649	(2.244.317.277)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(103.135.113)	128.981.551
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(43.931.551.478)	1.471.410.985
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(19.019.552.032)	(520.795.414)
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13	(6.077.100)	90.504
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(4.317.631.263)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.531.463.614)	(200.000.000)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(773.458.980)	(1.341.218.776)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	24.898.374.143	11.919.210.409
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(22.381.992.339)	(49.505.830.735)
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(65.000.000.000)	(11.600.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	21.600.000.000	26.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(129.969.700.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	11.704.172.347
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	267.015.896.135	162.304.108.300
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	201.233.903.796	8.932.749.912

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của CSH	31	6.657.300.000	6.883.500.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	-	78.040.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(78.040.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(50.123.843.000)	(28.778.679.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(43.466.543.000)	(21.895.179.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	182.665.734.939	(1.043.219.179)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	50.408.472.627	51.455.530.969
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		7.476.355	(3.839.163)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	233.081.683.921	50.408.472.627

Lê Thị Quỳnh Hoa
Người lập biểu
Ngày 30 tháng 03 năm 2023

Ngô Quang Huy
Kế toán trưởng



Trương Vinh Hùng
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Logistics Hàng không (tên cũ là Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Hàng không, tên giao dịch quốc tế là Aviation Logistics Joint Stock Company, tên viết tắt là ALS) (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102355611 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 8 năm 2007. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 24 ngày 28/06/2022.

Công ty có trụ sở đăng ký kinh doanh tại Tầng 4 Ga hàng hóa ALS, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi gần nhất của Công ty là: 1.002.476.860.000 đồng (Một nghìn không trăm lẻ hai tỷ, bốn trăm bảy sáu triệu, tám trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cho thuê kho bãi và dịch vụ logistics hàng không.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Chi tiết: Dịch vụ vận tải mặt đất;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan vận tải; Chi tiết Dịch vụ làm thủ tục Hải quan; Dịch vụ kiểm tra cân hàng; Dịch vụ hỗ trợ vận chuyển (đóng gói bao bì, giao nhận tại nhà, dịch vụ vận chuyển mặt đất); Dịch vụ nhận, gửi, chuyển phát hàng hóa; Đại lý vận tải; Dịch vụ Logistics;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải Hàng không; Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Chi tiết: Hoạt động kho bãi (dịch vụ đại lý kho vận, dịch vụ kho ngoại quan);
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Chi tiết: Hoạt động của bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy; và
- Giáo dục nghề nghiệp.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Công ty con:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH ALS Bắc Ninh	Bắc Ninh	55,00%	Vận hành và khai thác ga hàng hoá kéo dài tại KCN Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.
2	Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	Bắc Ninh	55,00%	Vận hành và khai thác ga hàng hóa kéo dài tại KCN VSIP Bắc Ninh và khu vực phía Đông Hà Nội.
3	Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	Hà Nội	50,05%	Vận hành trực tiếp Nhà ga hàng hoá ALS.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Công ty con (Tiếp theo):

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
4	Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS	Hà Nội	100,00%	Cung cấp các dịch vụ trọng yếu như phục vụ hàng hóa hàng không; kho vận; phục vụ hàng hóa hàng không tại kho hàng không kéo dài.
5	Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng ALS	Hà Nội	100,00%	Thực hiện các hoạt động đầu tư, cung cấp các giải pháp, cơ sở hạ tầng Logistics tại Việt Nam.
6	Công ty Cổ phần Tiếp vận Thế kỷ	Bắc Ninh	51,00%	Vận hành và khai thác ga hàng hoá kéo dài tại Bắc Ninh.
7	Công ty Cổ phần Khang Việt Hà	Bắc Ninh	50,10%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Công ty liên kết

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và Dịch vụ Quốc tế	Hà Nội	27,00%	Vận tải, cho thuê kho bãi, văn phòng.
2	Công ty Cổ phần ALS SDS	Hà Nội	48,00%	Dịch vụ Logistics giao nhận, vận tải.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính văn phòng

Số liệu so sánh trên báo cáo tài chính văn phòng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Nhân viên

Tổng số nhân viên của Văn phòng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 74 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 61 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho (Tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 19
Máy móc thiết bị	05 - 07
Phương tiện, vận tải	08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07
Tài sản cố định khác	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình tại Công ty là phần mềm máy tính.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phần mềm máy tính	03 - 08

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi có kỳ hạn

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Doanh nghiệp được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Doanh nghiệp và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ngoại tệ (Tiếp theo)

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	2.699.753.014	434.054.586
Tiền gửi ngân hàng	55.381.930.907	49.974.418.041
Các khoản tương đương tiền (*)	175.000.000.000	-
Cộng	233.081.683.921	50.408.472.627

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng, lãi suất 6%/năm.

2. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	67.310.000.000	12.310.000.000
Cộng	67.310.000.000	12.310.000.000

(*) Bao gồm các hợp đồng tiền gửi sau:

Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh số tiền 550.000.000 đồng, kỳ hạn 12 tháng với lãi suất tại thời điểm tái tục là 4,6 %/năm.

Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng số tiền 11.760.000.000 đồng, kỳ hạn 12 tháng với lãi suất tại thời điểm tái tục là 4%/năm.

Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh số 144/2022/41954 có số tiền là 15.000.000.000 đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất tại thời điểm gửi là 8%/năm.

Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh số 144/2022/41953 có số tiền là 20.000.000.000 đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất tại thời điểm gửi là 8%/năm.

Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh số 144/2022/41970 có số tiền là 20.000.000.000 đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất tại thời điểm gửi là 8%/năm.

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Nhà ga hàng hóa ALS	1.910.349.415	2.364.699.875
Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	780.930.014	2.028.951.120
Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS	7.432.619.760	870.100.622
Công ty TNHH ALS Bắc Ninh	699.147.781	1.170.936.082
Phải thu khách hàng khác	149.343.029	2.634.414.003
Cộng	10.972.389.999	9.069.101.702
Trong đó: Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)	10.833.790.227	7.208.043.258

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	1.927.561.000	2.199.331.000
Công ty CP Cơ khí Xây dựng và Thương mại Nội Bài	1.701.694.905	3.158.970.217
Các nhà cung cấp khác	1.447.013.395	6.727.312.744
Cộng	5.076.269.300	12.085.613.961

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Tạm ứng người lao động	62.188.153.803	55.537.600.000
- Ông Lê Văn Quý	35.500.000.000	34.400.000.000
- Ông Nguyễn Hữu Thọ	21.000.000.000	21.000.000.000
- Các đối tượng khác	5.688.153.803	137.600.000
Ký cược, ký quỹ	15.000.000	15.000.000
Phải thu khác:	47.261.252.843	64.269.487.893
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	1.334.049.593	340.848.498
- Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và Dịch vụ Quốc tế (*)	33.646.495.000	31.546.495.000
- Công ty Cổ phần Chứng khoán phố Wall	-	18.304.046.831
- Các khoản thu khác	12.280.708.250	14.078.097.564
Cộng	109.464.406.646	119.822.087.893
b) Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	154.350.000	154.350.000
Cộng	154.350.000	154.350.000
Trong đó: Phải thu khác là bên liên quan	34.310.184.178	32.710.029.154

(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)

- (*) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và Dịch vụ Quốc tế được thực hiện theo hợp đồng đặt cọc số 50/HĐĐC/ILS-ALS ngày 26/01/2017. Mục đích đặt cọc để đảm bảo giao kết và thực hiện hợp đồng cho thuê lâu dài khu vực khai thác kinh doanh với diện tích 29.802 m² tại dự án ICD xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Tổng giá trị đặt cọc theo hợp đồng là 71.041.640.000 đồng. Tổng vốn đầu tư của dự án là 1.703,85 tỷ đồng. Trong đó, giá trị chưa bao gồm hạng mục trên đất của dự án là 422.810.325.000 đồng. Giá trị đặt cọc theo hợp đồng được xác định dựa trên tỷ lệ diện tích khu vực kinh doanh Công ty muốn thuê lâu dài so với tổng diện tích đất sử dụng của dự án. Thời hạn đặt cọc từ ngày 26/01/2017 đến khi 2 bên ký kết hợp đồng cho thuê lâu dài khu vực khai thác kinh doanh.

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	78.357.394	39.297.488
Chi phí bảo hiểm	46.905.983	45.775.738
Chi phí trả trước khác	922.989.618	988.548.600
Cộng	1.048.252.995	1.073.621.826
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	328.541.603	494.177.901
Quyền sử dụng đất (Từ Chi nhánh về ALS mẹ)	18.338.385.966	-
Chi phí trả trước khác	1.432.373.681	560.202.486
Cộng	20.099.301.250	1.054.380.387

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS, Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo

Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chương trình phần mềm	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	5.254.681.903	5.254.681.903
Tăng cho giải thể Chi nhánh	274.166.360	274.166.360
Số dư cuối năm	5.528.848.263	5.528.848.263
HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	699.857.210	699.857.210
Khấu hao trong năm	745.519.709	745.519.709
Tăng cho giải thể Chi nhánh	95.987.371	95.987.371
Số dư cuối năm	1.541.364.290	1.541.364.290
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	4.554.824.693	4.554.824.693
Tại ngày cuối năm	3.987.483.973	3.987.483.973

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 38.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 38.000.000 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS, Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo

Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	101.846.035.394	5.774.627.001	5.740.849.218	59.760.000	194.490.086	113.615.761.699
Tăng mới do mua sắm	-	-	1.212.022.181	44.427.272	7.914.159.000	9.170.608.453
Đầu tư xây dựng cơ bản	53.995.567.941	10.982.926.770	-	-	-	64.978.494.711
Tăng do giải thể Chi nhánh	31.756.683.444	36.349.654.940	590.000.000	-	397.942.006	69.094.280.390
Số dư cuối năm	187.598.286.779	53.107.208.711	7.542.871.399	104.187.272	8.506.591.092	256.859.145.253
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	36.457.122.429	1.103.814.313	3.117.270.707	59.760.000	194.490.086	40.932.457.535
Khấu hao trong năm	19.825.589.019	4.082.196.875	876.858.617	-	179.092.489	24.963.737.000
Tăng do giải thể Chi nhánh	8.417.236.140	20.687.272.132	227.395.834	-	54.145.860	29.386.049.966
Số dư cuối năm	64.699.947.588	25.873.283.320	4.221.525.158	59.760.000	427.728.435	95.282.244.501
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	65.388.912.965	4.670.812.688	2.623.578.511	-	-	72.683.304.164
Tại ngày cuối năm	122.898.339.191	27.233.925.391	3.321.346.241	44.427.272	8.078.862.657	161.576.900.752

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 với giá trị là 14.577.823.246 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 697.734.718 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS, Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo

Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**9. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.921.661	-	6.128.185	-
Công cụ, dụng cụ	12.150.000	-	-	-
Hàng hoá	88.191.637	-	-	-
Cộng	109.263.298	-	6.128.185	-

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Xây dựng cơ bản	28.752.467.717	80.519.578.542
Dự án 4.3 ha	16.972.920.405	46.740.760.198
Dự án Đầu tư Xây dựng Cảng cạn (ICD) và Dịch vụ Hỗ trợ (Logistics) tại Thị xã Mỹ Hào và Huyện Văn Lâm, Hưng Yên	8.341.348.485	8.341.348.485
Dự án Nhà ở xã hội - Đông Anh	1.371.286.136	1.371.286.136
Dự án Phát triển phần mềm E-office	1.456.261.000	-
Dự án Đầu tư mở rộng khu DV Logistics tại Yên Phong, Bắc Ninh	-	14.270.569.105
Dự án khác	610.651.691	9.795.614.618
Cộng	28.752.467.717	80.519.578.542

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS, Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo

Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH ALS Bắc Ninh	16.500.000.000		-	16.500.000.000		-
Công ty CP ALS Đông Hà Nội	21.175.000.000		-	21.175.000.000		-
Công ty CP Nhà ga Hàng hóa ALS	150.150.000.000		-	150.150.000.000		-
Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS	30.000.000.000		-	30.000.000.000		-
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng ALS	150.000.000.000		-	150.000.000.000		-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thế kỷ	292.693.228.485		-	292.693.228.485		-
Công ty Cổ phần Khang Việt hà	59.969.700.000		-	59.969.700.000		-
Cộng	720.487.928.485		-	720.487.928.485		-

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính để thuyết minh trong Báo cáo tài chính văn phòng vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và Dịch vụ Quốc tế	97.200.000.000		(2.302.306.746)	97.200.000.000		(15.765.533.349)
Công ty Cổ phần ALS SDS	6.960.000.000		-	6.960.000.000		-
Cộng	104.160.000.000		(2.302.306.746)	104.160.000.000		(15.765.533.349)

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính để thuyết minh trong Báo cáo tài chính văn phòng vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS, Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo

Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**13. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	CP	VND	(*) VND	VND	CP	VND	(*) VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG	3.703.722	40.090.000.000	95.556.027.600	-	3.703.722	40.090.000.000	109.259.799.000	-
Cộng		40.090.000.000	95.556.027.600	-		40.090.000.000	109.259.799.000	-

(*) Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cần được trình bày. Công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị khác trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất công nghiệp: Nhà máy bê tông - kết cấu thép xây dựng Đông Anh	1.337.128.676	1.337.128.676	1.337.128.676	1.337.128.676
Công ty TNHH Thương mại Ứng dụng Công nghệ truyền thông Tân Thanh	1.093.689.000	1.093.689.000	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng ICC Việt Nam	1.443.236.888	1.443.236.888	2.812.815.111	2.812.815.111
Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS	4.275.605.519	4.275.605.519	77.032.294	77.032.294
Các nhà cung cấp khác	1.341.630.043	1.341.630.043	6.314.174.756	6.314.174.756
Cộng	9.491.290.126	9.491.290.126	10.541.150.837	10.541.150.837
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan	4.315.400.739	4.315.400.739	163.297.654	163.297.654

(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS, Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo

Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số cuối năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp/ bù	Số đầu năm
	VND	trong năm	trừ trong năm	VND
		VND	VND	
a) Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	6.204.213.825	6.172.155.342	32.058.483
Thuế thu nhập doanh nghiệp	321.908.921	-	321.908.921	-
Thuế thu nhập cá nhân	108.618.870	3.623.416.966	3.732.035.836	-
Cộng	430.527.791	9.827.630.791	10.226.100.099	32.058.483
b) Các khoản phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	11.934.415	1.209.554.693	1.197.620.278
Thuế thu nhập cá nhân	229.033.500	1.989.558.850	2.578.280.208	817.754.858
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	3.285.585.217	3.285.585.217	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	229.033.500	5.291.078.482	7.077.420.118	2.015.375.136

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	67.216.000	53.259.500
Bảo hiểm xã hội	4.296.100	4.296.100
Bảo hiểm y tế	1.315.500	1.315.500
Bảo hiểm thất nghiệp	280.000	280.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	720.000
Các khoản phải trả khác:	584.301.765	723.554.165
- Cổ tức phải trả	332.169.500	332.169.500
- Thuế lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	225.000.000	390.000.000
- Các khoản khác	27.132.265	1.384.665
Cộng	657.409.365	783.425.265
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	1.344.771.600
Cộng	-	1.344.771.600

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS, Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo

Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	806.000.000.000	160.024.381.018	9.085.461.763	111.480.280.672	1.086.590.123.453
Vốn góp tăng trong năm	101.308.540.000	2.294.500.000	-	(96.719.540.000)	6.883.500.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	163.084.752.202	163.084.752.202
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(1.341.418.775)	(1.341.418.775)
Số dư đầu năm nay	907.308.540.000	162.318.881.018	9.085.461.763	176.504.074.099	1.255.216.956.880
Vốn góp tăng trong năm	95.168.320.000	2.219.100.000	-	(90.730.120.000)	6.657.300.000
<i>Vốn góp bằng tiền (*)</i>	<i>4.438.200.000</i>	<i>2.219.100.000</i>	-	-	<i>6.657.300.000</i>
<i>Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)</i>	<i>90.730.120.000</i>	-	-	<i>(90.730.120.000)</i>	-
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	283.208.121.290	283.208.121.290
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(50.123.843.000)	(50.123.843.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	1.002.476.860.000	164.537.981.018	9.085.461.763	315.858.232.389	1.491.958.535.170

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ/ALS ngày 24/6/2022 và Nghị Quyết số 09A/NQ-HĐQT/ALS ngày 29/4/2022 về phát hành cổ phần cho người lao động (ESOP) đợt 2 năm 2021 như sau:

- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền: 3.000.000.000 đồng.
- Trả cổ tức bằng tiền: 50.123.843.000 đồng.
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu: 90.730.120.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 24 ngày 28/06/2022, vốn điều lệ của Công ty là 1.002.476.860.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài	100.176.380.000	9,99%	91.069.440.000	10,04%
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và Dịch vụ Quốc tế	56.014.840.000	5,59%	50.922.590.000	5,61%
Công ty TNHH Dịch vụ sân bay Phía Nam	56.006.580.000	5,59%	50.915.080.000	5,61%
Các cổ đông khác	790.279.060.000	78,83%	714.401.430.000	78,74%
Cộng	1.002.476.860.000	100%	907.308.540.000	100%

c) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra	100.247.686	90.730.854
- Cổ phiếu phổ thông	100.247.686	90.730.854
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.247.686	90.730.854
- Cổ phiếu phổ thông	100.247.686	90.730.854

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	73.680.525.397	60.946.925.877
Cộng	73.680.525.397	60.946.925.877
Trong đó: Doanh thu với bên liên quan (Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)	70.464.923.243	50.893.717.424

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	47.053.855.524	25.875.460.415
Cộng	47.053.855.524	25.875.460.415

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.218.797.230	1.381.813.517
Cổ tức lợi nhuận được chia	265.790.300.000	162.145.150.000
Lợi nhuận Chi nhánh chuyển về	7.675.754.581	-
Lãi chênh lệch tỷ giá cuối năm	7.476.355	-
Cộng	275.692.328.166	163.526.963.517

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Trích lập (Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	(13.463.226.603)	5.822.251.493
Chi phí lãi vay	-	1.843.885.556
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	3.839.163
Cộng	(13.463.226.603)	7.669.976.212

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí trả trước	16.046.833	6.666.667
Chi phí mua ngoài	3.223.201.038	490.565.101
Chi phí khác bằng tiền	90.739.278	-
Cộng	3.329.987.149	497.231.768

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	18.516.680.867	10.603.326.536
Chi phí vật liệu quản lý	753.111.871	337.629.163
Chi phí đồ dùng văn phòng	246.141.676	229.968.750
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.975.151.320	1.109.300.454
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.512.095.875	1.944.655.888
Chi phí quản lý khác	5.792.086.917	11.187.687.357
Cộng	29.795.268.526	25.412.568.148

7. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ thanh lý phế liệu	557.856.000	-
Các khoản thu nhập khác	1.715.501	150.031.694
Cộng	559.571.501	150.031.694

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	283.208.121.290	165.168.583.904
Trong đó:		
Lợi nhuận kế toán trước thuế từ hoạt động kinh doanh	283.208.121.290	165.168.583.904
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	292.048.997.801	162.145.150.000
- Lợi nhuận của Công ty con, liên kết	273.466.054.581	162.145.150.000
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	18.582.943.220	-
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	2.667.828.624	7.395.724.606
- Các khoản chi phí không được trừ khác	2.667.828.624	7.395.724.606
Thu nhập chịu thuế	-	10.419.158.510
Thuế suất	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	2.083.831.702

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty TNHH ALS Bắc Ninh	Công ty con
Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	Công ty con
Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng ALS	Công ty con
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thế kỷ	Công ty con
Công ty Cổ phần Khang Việt Hà	Công ty con
Công ty Cổ phần đầu tư thương mại và Dịch vụ Quốc tế	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần ALS SDS	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Dịch vụ Sân bay phía Nam	Cổ đông lớn
Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị	Điều hành Công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
a) Bán hàng	70.464.923.243	50.893.717.424
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	11.097.485.382	11.075.425.397
Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	2.210.796.254	2.381.378.595
Công ty TNHH ALS Bắc Ninh	4.072.384.765	4.233.128.748
Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS	51.987.652.004	30.829.252.739
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thế kỷ	926.368.181	1.864.039.807
Công ty Cổ phần Khang Việt Hà	43.842.147	
Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài	-	4.740.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Logistics Hàng không tại tỉnh Bắc Ninh	126.394.510	505.752.138
b) Mua hàng	61.484.451.769	4.670.073.832
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	2.268.101.820	2.204.240.337
Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS	1.500.000	1.538.605.052
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	-	927.228.443
Chi nhánh Công ty Cổ phần Logistics Hàng không tại tỉnh Bắc Ninh	59.214.849.949	-
c) Thu hồi gốc vay	21.600.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng ALS	11.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thế kỷ	10.000.000.000	-
d) Lãi vay nhận được	63.698.633	669.791.682
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng ALS	58.454.795	669.791.682
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thế kỷ	5.243.838	-
e) Cổ tức nhận được	273.466.054.581	162.145.150.000
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	171.171.000.000	90.090.000.000
Công ty TNHH ALS Bắc Ninh	33.000.000.000	33.000.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS	35.000.000.000	26.000.000.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thế kỷ	21.537.300.000	9.455.400.000
Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	5.082.000.000	3.599.750.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Logistics Hàng không tại tỉnh Bắc Ninh	7.675.754.581	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	10.833.790.227	7.208.043.258
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	1.910.349.415	2.364.699.875
Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	780.930.014	2.028.951.120
Công ty TNHH ALS Bắc Ninh	699.147.781	1.170.936.082
Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS	7.432.619.760	870.100.622
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thế kỷ	10.743.257	661.008.094
Chi nhánh Công ty Cổ phần Logistics Hàng không tại Bắc Ninh	-	112.347.465
Phải trả người bán ngắn hạn	4.315.400.739	163.297.654
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	39.795.220	86.265.360
Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS	4.275.605.519	77.032.294
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	11.600.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng ALS	-	11.600.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	34.155.834.178	32.555.679.154
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thế kỷ	9.270.720	115.925.950
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	279.084.232	178.291.099
Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	8.019.000	6.799.650
Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS	150.423.384	10.835.000
Công ty TNHH ALS Bắc Ninh	59.908.802	24.636.773
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng ALS	2.633.040	672.695.682
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và Dịch vụ Quốc tế	33.646.495.000	31.546.495.000
Cầm cố, ký quỹ dài hạn	154.350.000	154.350.000
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	154.350.000	154.350.000
Phải thu nội bộ dài hạn	-	51.052.356.395
Chi nhánh Công ty Cổ phần Logistics Hàng không tại Bắc Ninh	-	51.052.356.395

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao, phụ cấp của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	2.170.000.000	2.431.539.264
Cộng	2.170.000.000	2.431.539.264

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty chỉ có hoạt động duy nhất là lĩnh vực cho thuê kho bãi và dịch vụ logistics hàng không. Do đó, theo quy định của chuẩn mực 28, Công ty không phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động trên cùng một lãnh thổ Việt Nam, không có sự khác biệt về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo khu vực địa lý nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2022 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.



Lê Thị Quỳnh Hoa
Người lập biểu
Ngày 30 tháng 03 năm 2023



Ngô Quang Huy
Kế toán trưởng



Trương Vĩnh Hùng
Tổng Giám đốc